CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM
DAINAM SECRITIES JOINT STOCK COMPANY

****

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

Địa chỉ : **Số 28 Tăng Bạt Hổ, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội**
Điện thoại : **(84-4) 3.9726178**
Fax : **(84-4) 3.9726179**
Website : **www.dnse.com.vn**

MỤC LỤC

TRANG

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG 03
1. Quá trình hình thành và phát triển 03
2. Ngành nghề kinh doanh 03
3. Định hướng phát triển 03
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 04
1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2009 04
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch 05
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2009 05
4. Triển vọng và kế hoạch tương lai 05
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 06
1. Báo cáo tình hình tài chính 06
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 07
3. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2009 08
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai 08
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 08
V. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH & BÁO CÁO KIỂM TOÁN 30
1. Kiểm toán độc lập 30
2. Kiểm toán nội bộ 30
VI. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN 30
VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ 31
1. Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý của Công ty 31
2. Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban điều hành 31
3. Thay đổi Tổng giám đốc điều hành trong năm 33
4. Số lượng cán bộ, công nhân viên và chính sách đối với người lao động 33
5. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng 34
VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 34
1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát 34
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại thời điểm 31/12/2009 36

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam (DNSE) được UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động số 62/UBCK-GP cấp ngày 30/10/2007, với số vốn điều lệ ban đầu là 38 tỷ đồng. Ngày 05/11/2009 UBCKNN đã chấp thuận cho DNSE tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng.theo giấy phép điều chỉnh số 275 - UBCK-GP.

Các mốc thời gian quan trọng trong quá trình phát triển của DNSE:

30-10-2007	Thành lập với vốn điều lệ 38 tỷ đồng
9-11-2007	Trở thành Thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
09-01-2008	Trở thành thành viên Trung Tâm GDCK Hà Nội
06-05-2008	Trở thành thành viên Sở GDCK TP Hồ Chí Minh
28-10-2009	Thành lập chi nhánh TP Hồ Chí Minh tại 117-119 - 121 Nguyễn Du, Q1, TP Hồ Chí Minh
12-01-2009	Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở GDCK TP HCM
05-11-2009	DNSE tăng vốn điều lệ từ 38 tỷ lên 50 tỷ đồng
08-02-2010	Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở GDCK Hà nội

2. Nghành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp

3. Định hướng phát triển

Tình hình kinh tế thế giới sau suy thoái vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ và thách thức. Theo cảnh báo của các tổ chức tài chính như IMF, WB, ADB … thì tình hình kinh tế thế giới năm 2010 vẫn còn nhiều khó khăn, bất chấp những kế hoạch kích thích kinh tế trị

giá nhiều tỷ đô la Mỹ của các quốc gia trên thế giới. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng cũng không thể tránh khỏi khó khăn và thách thức.

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn và thách thức thì thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn được các định chế tài chính trong và ngoài nước cho rằng còn tiềm ẩn nhiều cơ hội. Thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ diễn biến tích cực khi kinh tế vĩ mô được dự báo là được phục hồi và phát triển mạnh trong năm 2010.

Trước bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, DNSE theo đuổi những mục tiêu phát triển bền vững cùng với tầm nhìn chiến lược lâu dài.

**** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:***

- Đầu tư nâng cao hệ thống công nghệ thông tin hiện đại;
- Tối đa hóa giá trị cổ đông của DNSE;
- Nâng cao chất lượng các dịch vụ cho nhà đầu tư;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro;
- Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra của Đại hội đồng cổ đông;

**** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:***

Xây dựng Công ty thành một tổ chức có chất lượng dịch vụ tốt, công nghệ hiện đại, trình độ quản lý tiên tiến và hiệu quả để ngày một đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các nhà đầu tư, các cơ quan quản lý, cũng như góp phần vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước trong thời gian tới.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2009

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009
1	Doanh thu thuần	4.201	40.104
2	Lợi nhuận trước thuế	(5.302)	13.926
3	Lợi nhuận sau thuế	(5.302)	12.491
4	Vốn điều lệ	38.000	50.000
5	Nguồn vốn chủ sở hữu	32.274	52.609
6	Tổng tài sản	98.928	235.378
7	Nợ ngắn hạn	66.654	182.768
8	Nợ dài hạn	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009)

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	% Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	10.300	42.673	314,30
2	Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp	9.800	26.155	166,89
3	Lợi nhuận kế toán sau thuế	500	12.491	2.398,20

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009)

Tình hình hoạt động của Công ty năm 2009 ổn định và vững mạnh, kết quả kinh doanh trong năm rất khả quan, vượt xa so với kế hoạch đã đề ra.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2009

Trong năm 2009, DNSE tập trung nỗ lực nâng cao chất lượng hoạt động môi giới chứng khoán và đã đạt được những kết quả vượt bậc: Doanh thu tăng từ 4,2 tỷ đồng lên hơn 40 tỷ đồng, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 2009 của DNSE đã đạt tới 12,5 tỷ đồng so với 2008 (lỗ 5.3 tỷ đồng).

Năm 2009, Công ty đã nâng cấp hệ thống công nghệ đáp ứng việc kết nối giao dịch trực tuyến thành công với Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Về phát triển mạng lưới: Trong năm 2009, DNSE thành lập Chi nhánh thành phố Hồ chí Minh tại 117 - 119 -121 Nguyễn Du, Quận 1, TP Hồ Chí Minh với mục đích mở rộng mạng lưới khách hàng khu vực TP Hồ Chí Minh và các vùng lân cận.

4. Triển vọng và kế hoạch tương lai

Nâng cao chất lượng dịch vụ môi giới nhằm không ngừng tăng thị phần, uy tín của DNSE.

Tổ chức đào tạo nội bộ nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên đáp ứng nhu cầu khắt khe, không ngừng gia tăng của khách hàng.

Công ty đã chuẩn bị kế hoạch nhân sự, vật chất thành lập 02 phòng chuyên trách mới : Tư vấn Tài chính Doanh Nghiệp, Phòng Dịch vụ khách hàng. Với sự ra đời của bộ phận này sẽ tạo cho DNSE tiếp cận gần hơn với các doanh nghiệp chưa niêm yết tạo thêm

doanh thu, khách hàng, nâng cao hình ảnh DNSE trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tài chính cho Doanh nghiệp.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1 Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	12/31/2008	12/31/2009
Chỉ tiêu về cơ cấu Tài sản- Nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	**%**	3,79	2,44
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	**%**	96,21	97,56
Cơ cấu nguồn vốn	**%**		
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	**%**	67,38	77,65
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	**%**	32,62	22,35
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	**Lần**	1,41	1,25
Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	**Lần**	1,43	1,26
Tỷ suất lợi nhuận			
Lợi nhuận từ HĐSXKD/ Doanh thu thuần	**%**	-1,26	34,78
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	**%**	-1,26	5,31
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	**%**	-0,05	5,31
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	**%**	-0,16	23,74

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2009)

1.2 Giá trị sổ sách thời điểm 31/12/2008 và 31/12/2009

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009
1	Vốn chủ sở hữu	32.274.217.399	51.909.726.898
2	Vốn điều lệ	38.000.000.000	50.000.000.000
3	Mệnh giá 1 cổ phần	10.000	10,000
4	Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.800.000	5.000.000
5	Giá trị sổ sách/ cổ phần	8.493	10.382

(*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009)*

1.3 Những thay đổi về vốn cổ đông

Trong năm 2009, DNSE đã thực hiện tăng vốn từ 38 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng, được Ủy Ban Chứng khoán chấp thuận theo Giấy phép số: 275/UBCK-GP ngày 05/11/2009.

1.4 Tổng số cổ phiếu đang lưu hành(thời điểm 31/12/2009)

Số lượng : 5.000.000 (cổ phần)

Trong đó:

Loại cổ phần phổ thông : 1.500.000 cổ phần

Loại cổ phần ưu đãi có quyền biểu quyết : 3.500.000 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đ/cp

Đến thời điểm tháng 10/2010 toàn bộ các cổ phần ưu đãi có quyền biểu quyết sẽ trở thành cổ phần phổ thông.

1.5 Cổ tức năm 2009

Công ty thực hiện trả cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ 10%/cổ phần.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đầu năm 2009, Hội đồng quản trị Công ty đã đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận khá thấp, tập trung vào đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ hiện đại đón đầu cơ hội. Với những diễn biến bất ngờ của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2009, VN-Index giảm xuống còn 235,50 điểm vào đầu năm và đã vượt lên 494,7 7 điểm vào cuối năm, cùng với việc quản lý điều hành của Ban lãnh đạo trong quá trình hoạt động, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, cụ thể: về doanh thu đã tăng hơn 314% và lợi nhuận đạt hơn 12 tỷ, tăng hơn 2.398% so với kế hoạch đã đề ra.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2009

Công ty đã thành lập chi nhánh Thành phố Hồ chí Minh tại 117-119-121 Nguyễn Du, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, DNSE đã đổi mới hệ thống công nghệ thông tin, và đã được kết nối thông sàn với sàn HOSE và HNX.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, nhận định khó khăn, mở rộng thị phần môi giới trong và ngoài nước, thiết lập các mối quan hệ bền chặt với các cổ đông của Công ty. Kế hoạch năm 2010, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 15 tỷ đồng và trả cổ tức tối thiểu 10% trên vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu.

Công ty đang lựa chọn nhà đầu tư chiến lược cho kế hoạch tăng vốn trong năm 2010, nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn để hoạt động kinh doanh của Công ty đạt kết quả cao nhất.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 62/UBCK- GP ngày 30 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, điều chỉnh theo Quyết định số 275/UBCK- GP ngày 05 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngoài ra, Công ty đã thành lập thêm chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 716/QĐ-UBCK ngày 28 tháng 10 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tên giao dịch của Công ty: DAI NAM SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Vốn điều lệ điều chỉnh theo Quyết định số 275/UBCK-GP ngày 05 tháng 11 năm 2009 là: **50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng)**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 28 Tăng Bạt Hổ - Phường Phạm Đình Hổ- Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lầu 2- Số 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là: 12.491.621.249 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là: 1.273.726.898 VND

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trịnh Quốc Vân	Thành viên
Ông Trần Đức Chiến	Thành viên
Ông Đỗ Anh Đức	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Quang Luyến	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Phương Huyền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Vân	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn thuế AAT đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ⊡ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ⊡ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ⊡ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ⊡ Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- ⊡ Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Trịnh Quốc Vân

4

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED

Số : 19..../2010/BCKT/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2009
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam được lập ngày 15/01/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 6 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn thuế AAT
Phó Giám đốc

Trần Thị Yến Ngọc
Chứng chỉ KTV số: 0926/KTV

Kiểm toán viên

Trần Thị Nguyệt
Chứng chỉ KTV số: 0589/KTV

5

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu đô thị mới Trung Hoà - Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2410949/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084
Email: info@aat.com.vn - Website: http://www.aat.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	**A**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**229.641.247.457**	**95.180.699.581**
110	**I**	**Tiền**	1	**108.789.557.433**	**10.220.203.903**
111	1	Tiền		108.789.557.433	10.220.203.903
112	2	Các khoản tương đương tiền		-	-
120	**II**	**Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn**		**40.418.737.823**	**73.028.044.685**
121	1	Đầu tư ngắn hạn	3	40.418.737.823	73.028.101.085
129	2	Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư	3	-	(56.400)
130	**III**	**Các khoản phải thu**		**79.699.262.079**	**10.762.994.829**
131	1	Phải thu của trung tâm GDCK		-	-
132	2	Phải thu của người đầu tư		57.951.926.608	5.045.336.455
133	3	Ứng trước cho người bán		178.946.700	62.749.600
134	4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
135	5	Các khoản phải thu khác	5	21.568.388.771	5.654.908.774
136	6	Dự phòng phải thu khó đòi (*)		-	-
140	**IV**	**Hàng tồn kho**		-	**850.000**
150	**V**	**Tài sản ngắn hạn khác**		**733.690.122**	**1.168.606.164**
151	1	Tạm ứng	6	227.889.214	89.650.000
152	2	Chi phí trả trước		505.800.908	1.078.956.164
200	**B**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**5.737.244.352**	**3.747.874.415**
210	***I***	***Các khoản phải thu dài hạn***			
220	**II**	**Tài sản cố định**	8	**4.146.374.553**	**3.627.874.415**
221	1	Tài sản cố định hữu hình		2.789.193.496	2.365.510.840
222	-	Nguyên giá		3.786.453.925	2.776.129.824
223	-	Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(997.260.429)	(410.618.984)
224	2	Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3	Tài sản cố định vô hình		1.357.181.057	1.262.363.575
228	-	Nguyên giá		1.745.603.350	1.444.079.000
229	-	Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(388.422.293)	(181.715.425)
230	4	Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang			
240	***III***	***Bất động sản đầu tư***		-	
250	**IV**	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		-	-
260	**V**	**Tài sản dài hạn khác**		**1.590.869.799**	**120.000.000**
261	1	Chi phí trả trước dài hạn		1.129.553.651	-
262	2	Ký quỹ, ký cược dài hạn		250.964.423	-
263	3	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	9	210.351.725	120.000.000
268	4	Tài sản dài hạn khác		-	-
250		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**235.378.491.809**	**98.928.573.996**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	**A**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**182.768.764.911**	**66.654.356.597**
310	**I**	**Nợ ngắn hạn**		**182.768.764.911**	**66.654.356.597**
311	1	Vay và nợ ngắn hạn	7	21.000.000.000	1.500.000.000
312	2	Phải trả người bán		57.959.926.608	55.124.983.319
313	3	Phải trả TTGDCK		-	-
314	4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.506.011.389	44.431.143
		Thuế GTGT		*14.748.060*	*12.000.000*
		Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		-	
		Thuế Thu nhập doanh nghiệp		*1.435.177.895*	
		Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		-	
		Các loại thuế khác		*56.085.434*	*32.431.143*
		Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-	
315	5	Phải trả người lao động		-	-
316	6	Người mua trả tiền trước		110.000.000	110.000.000
317	7	Phải trả nội bộ		-	-
320	8	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		102.104.134.095	9.622.808.839
321	9	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	211.908.000
322	10	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
323	11	Chi phí phải trả	*11*		40.200.000
328	12	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	88.692.819	25.296
329	13	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	**II**	**Nợ dài hạn**		-	-
400	**B**	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	14	**52.609.726.898**	**32.274.217.399**
410	**I**	**Vốn chủ sở hữu**		**51.909.726.898**	**32.274.217.399**
411	1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	38.000.000.000
412	2	Thặng dư vốn cổ phần		318.000.000	-
413	3	Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4	Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6	*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*			-
417	7	Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8	Quỹ dự phòng tài chính		318.000.000	-
419	9	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.273.726.898	(5.725.782.601)
					-
430	***II***	***Quỹ khen thưởng, phúc lợi***		***700.000.000***	-
		Quỹ khen thưởng		*700.000.000*	-
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**235.378.491.809**	**98.928.573.996**
				-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
001	1	**Tài sản cố định thuê ngoài**		-	-
002	2	**Vật tư, chứng chỉ nhận giữ hộ**		-	-
003	3	**Tài sản nhận ký cược**			
004	4	**Nợ khó đòi đã xử lý**		-	-
005	5	**Ngoại tệ các loại**		-	-
006	6	**Chứng khoán lưu ký**		**14.497.763.800**	**28.793.350.000**
	Trong đó:				
007	*6.1*	*Chứng khoán giao dịch*		14.497.763.800	28.793.350.000
008	6.1.1	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký			
009	6.1.2	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		*14.497.763.800*	*28.793.350.000*
010	6.1.3	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài			
011	6.1.4	Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác		-	-
012	*6.2*	*Chứng khoán tạm ngừng giao dịch*			
017	6,3	*Chứng khoán cầm cố*			
022	*6,4*	*Chứng khoán tạm giữ*			
027	6,5	*Chứng khoán chờ thanh toán*			
032	*6,6*	*Chứng khoán phong tỏa chờ rút*		-	-
037	*6,7*	*Chứng khoán chờ giao dịch*			
047	6,9	*Chứng khoán sửa lỗi giao dịch*			
050	7	**Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết**			
082	8	**Chứng khoán lưu ký của khách hàng**			
083	9	**Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán**			
084	10	**Chứng khoán nhận ủy thác đấu giá**			

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Chiến	Vũ Thị Thúy	Trịnh Quốc Vân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	15	42,673,521,960	4,201,483,580
	Trong đó:			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		29,247,875,556	2,196,692,040
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		-	-
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán			-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		-	-
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	-
01.7	- Doanh thu về vốn kinh doanh		-	1,884,791,540
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		120,000,000	120,000,000
01.9	- Doanh thu khác		13,305,646,404	-
			-	-
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu	16	2,569,170,495	-
10	3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	17	40,104,351,465	4,201,483,580
11	4 Chi phí hoạt động kinh doanh	18	20,594,455,377	6,483,964,328
20	5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		19,509,896,088	(2,282,480,748)
25	6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	5,561,948,657	3,019,862,899
30	7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13,947,947,431	(5,302,343,647)
31	8 Thu nhập khác		12,238,000	-
32	9 Chi phí khác		33,386,287	-
40	10 Lợi nhuận khác		(21,148,287)	-
50	11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13,926,799,144	(5,302,343,647)
51	12 Chi phí thuế TNDN hiện hành		1,435,177,895	-
52	13 Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
60	14 Lợi nhuận sau thuế TNDN		12,491,621,249	(5,302,343,647)
70	15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu			

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc

Phạm Thị Chiến | Vũ Thị Thúy | Trịnh Quốc Văn

9

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1 ***Lợi nhuận trước thuế***		***13.926.799.144***	***(5.302.343.647)***
	2 ***Điều chỉnh cho các khoản***			
02	Khấu hao TSCĐ		793.348.313	592.334.409
03	Các khoản dự phòng		(56.400)	56.400
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		7.533.468.345	(1.375.192.364)
06	Chi phí lãi vay		1.295.725.218	
08	3 ***Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động***		***23.549.284.620***	***(6.085.145.202)***
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(68.501.351.208)	(56.252.352.714)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		850.000	214.057.708
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		4.133.083.058	63.922.925.974
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.035.953.757)	(141.064.164)
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.295.725.218)	
14	Thuế TNDN đã nộp			
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.936.297.461.477	40.200.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.876.258.285.206)	
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***16.889.363.766***	***1.698.621.602***
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(679.242.120)	(1.490.245.274)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(19.200.000.000)	
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công nợ của đơn vị khác		73.042.681.631	
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(48.619.672.000)	
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		42.732.630.722	
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.843.386.628	1.375.192.364
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		**56.119.784.861**	**(115.052.910)**
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Thu tiền từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		70.920.000.000	13.500.000.000
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(51.420.000.000)	(12.000.000.000)
35	5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.159.999.000)	
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		**15.340.001.000**	**1.500.000.000**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam Số 28, Tăng Bạt Hổ, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội			Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009	
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		98.569.353.530	10.220.203.903
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		*10.220.203.903*	*7.136.635.211*
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ**		108.789.557.433	10.220.203.903

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Chiến	Vũ Thị Thúy	Trịnh Quốc Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 62/UBCK- GP ngày 30 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, điều chỉnh theo Quyết định số 275/UBCK- GP ngày 05 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngoài ra, Công ty đã thành lập thêm chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 716/QĐ-UBCK ngày 28 tháng 10 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tên giao dịch của Công ty: DAI NAM SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Vốn điều lệ điều chỉnh theo Quyết định số 275/UBCK-GP ngày 05 tháng 11 năm 2009 là: **50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng)**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 28 Tăng Bạt Hổ - Phường Phạm Đình Hổ- Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lầu 2- Số 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh chứng khoán

3. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1.Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc đánh giá chứng khoán

Chứng khoán của người ủy thác đầu tư được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc chứng khoán là giá mua vào thực tế.
Phương pháp tính giá vốn chứng khoán của người ủy thác đầu tư: bình quân gia quyền.
Dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập cho từng loại chứng khoán có giá đóng cửa tại phiên giao dịch tại ngày 31 tháng 12 hàng năm thấp hơn giá trên sổ kế toán.

4.Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.
Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị	05-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Phần mềm máy tính	05-08 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7.Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí. Năm 2009, Công ty chưa tiến hành trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định tại thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ tài chính.

8.Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 01 năm 2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế TNDN, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2009.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

III THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 Tiền gửi ngân hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	76.908.489.519	7.425.637.283
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	71.796.973	19.334.132
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	1.357.011	5.065.352
Ngân hàng Eximbank Hà Nội	17.983.081.386	
Ngân hàng VietBank Hà Nội	50.612.449	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		1.000.000
Ngân hàng Đông Á	1.346.167	
Ngân hàng Liên Việt	2.118.210	
Cộng	**95.018.801.715**	**7.451.036.767**

2 Tiền gửi thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Công ty Chứng Khoán		
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà Đầu tư	13.760.996.162	2.746.983.519
Cộng	**13.760.996.162**	**2.746.983.519**

3 Đầu tư tài chính ngắn hạn

3.1 Tình hình tăng, giảm và hiện có về đầu tư ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư chứng khoán của Công ty				**73.028.101.085**
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	*30.418.737.823*	*143.535.066.106*	*122.433.476.173*	*9.317.147.890*
- Tiền gửi có kỳ hạn	*7.000.000.000*	*20.400.000.000*	*72.610.953.195*	*59.210.953.195*
- Đầu tư ngắn hạn Repo chứng khoán			*3.500.000.000*	*3.500.000.000*
- Đầu tư ngắn hạn khác			*1.000.000.000*	*1.000.000.000*
Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư	*3.000.000.000*	*3.500.000.000*	*500.000.000*	
Cộng	**40.418.737.823**	**167.435.066.106**	**200.044.429.368**	**73.028.101.085**

3.2 Tình hình nắm giữ các khoản đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	**767.737.823**	**9.317.147.890**
Công ty niêm yết	*767.737.823*	*844.972.423*
- Cổ phiếu	256.472.061	67.623.600
- Trái phiếu	511.265.762	777.348.823
Công ty chưa niêm yết		*8.472.175.467*
- Cổ phiếu		8.472.175.467
- Trái phiếu		
- Tiền gửi có kỳ hạn	**7.000.000.000**	**59.210.953.195**
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	2.000.000.000	1.010.953.195
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	5.000.000.000	5.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh chương Dương		3.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô		50.200.000.000
- Hợp tác kinh doanh	**29.651.000.000**	
- Đầu tư ngắn hạn Repo chứng khoán		**3.500.000.000**
Chu Quốc Vinh		500.000.000
Nguyễn Thị Hương		2.250.000.000
Lê Văn Lối		750.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	**3.000.000.000**	**1.000.000.000**
Hoàng Bội Hoàn	3.000.000.000	
Ủy thác cho ông Hoàng Đầu tư chứng khoán		500.000.000
Cho ông Nguyễn Minh Đức vay thời hạn 6 tháng, lãi suất 1,6%/tháng		500.000.000
Cộng	**40.418.737.823**	**73.028.101.085**

3.3 Chi tiết các loại chứng khoán Công ty ủy thác đầu tư

Loại chứng khoán đầu tư	Số cuối năm Số lượng (1)	Giá trị theo mệnh giá (2)	Số đầu năm Số lượng (3)	Giá trị theo mệnh giá (4)	Tỷ lệ
1. Chứng khoán niêm yết		767.737.823		**844.972.423**	
- Cổ phiếu	-		4.504	67.623.600	
DRC			4	123.600	
DBC	-	-	4.500	67.500.000	
SSI	3.000	256.472.061	-		
- Trái phiếu	-	-	**700**	777.348.823	
SSI	400	511.265.762	700	777.348.823	
2. Chứng khoán chưa niêm yết		-	**145.000**	1.450.000.000	
- Cổ phiếu	-	-		-	
VCB	-	-	50.000	500.000.000	
MB	-	-	40.000	400.000.000	
PMC	-	-	35.000	350.000.000	
PVDI		-	20.000	200.000.000	
- Trái phiếu	-	-	-	-	
Tổng cộng		767.737.823		2.294.972.423	

5 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm Xã hội	1.502.512	467.728
Phải thu Ông Nguyễn Song Bình khoản ủy thác đầu tư còn dư		79.137.878
Phải thu bà Trần Thị Hồng Hạnh theo hợp đồng	-	1.800.000.000
Tiền hỗ trợ thanh toán khách hàng	20.948.000.000	3.595.000.000
Phải thu tiền lương tháng 11 của chị Phượng	1.303.978	
Bảo hiểm thất nghiệp	5.693.007	
Thuế Thu nhập cá nhân	2.831.051	
Tiền cho thuê lại văn phòng phải thu Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương		132.000.000
Lãi cho vay phải thu của Nguyễn Minh Đức		40.000.000
Lãi tiền gửi Vietbank	479.705.557	
Phải thu chuyển quyền sửa lỗi mua Cổ phiếu	118.295.000	
Phải thu khoản doanh thu ứng trước tiền bán chứng khoán		4.325.534
Lãi tiền gửi theo thông báo của Quỹ hỗ trợ thanh toán		3.977.634
Cộng	**21.557.331.105**	**5.654.908.774**

6 Tạm ứng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng kinh doanh chứng khoán		
Tạm ứng chi tiến hành chính	227.889.214	89.650.000
Cộng	**227.889.214**	**89.650.000**

8 Tài sản cố định

a) Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	**66.000.000**	**2.710.129.824**	**2.776.129.824**
2. Số tăng trong năm	-	**1.057.372.201**	**1.057.372.201**
- Mua sắm mới		1.057.372.201	1.057.372.201
- Tăng khác		-	-
3. Số giảm trong năm	-	**47.048.100**	**47.048.100**
- Thanh lý, nhượng bán		47.048.100	47.048.100
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**66.000.000**	**3.720.453.925**	**3.786.453.925**
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế			
1. Số dư đầu năm	**6.600.000**	**404.018.984**	**410.618.984**
2. Số tăng trong năm	**6.600.000**	**593.703.258**	**600.303.258**
- Trích khấu hao	6.600.000	593.703.258	600.303.258
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	**13.661.813**	**13.661.813**
- Thanh lý, nhượng bán		13.661.813	13.661.813
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**13.200.000**	**984.060.429**	**997.260.429**
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm	**59.400.000**	**2.306.110.840**	**2.365.510.840**
2. Cuối năm	**52.800.000**	**2.736.393.496**	**2.789.193.496**

b) Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm		**1.444.079.000**	**1.444.079.000**
2. Số tăng trong năm	-	**301.524.350**	**301.524.350**
- Mua sắm mới		301.524.350	301.524.350
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	**1.745.603.350**	**1.745.603.350**
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế			
1. Số dư đầu năm		**181.715.425**	**181.715.425**
2. Số tăng trong năm	-	**206.706.868**	**206.706.868**
- Trích khấu hao		206.706.868	206.706.868
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	**388.422.293**	**388.422.293**
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm	-	**1.262.363.575**	**1.262.363.575**
2. Cuối năm	-	**1.357.181.058**	**1.357.181.058**

9 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tăng quỹ hỗ trợ thanh toán	90.351.725	
Giảm quỹ hỗ trợ thanh toán	-	-
Số cuối năm	**210.351.725**	**120.000.000**

7 Vay ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam Chi nhánh Hai Bà Trưng	15.000.000.000	1.500.000.000
- Ngân hàng Việt Nam Thương Tín Chi nhánh Hà Nội	6.000.000.000	
Cộng	**21.000.000.000**	**1.500.000.000**
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:		
Số đầu năm	1.500.000.000	-
Số tiền vay phát sinh trong năm	70.920.000.000	13.500.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	51.420.000.000	(12.000.000.000)
Số cuối năm	**21.000.000.000**	**1.500.000.000**

11 Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí dịch vụ bản tin chứng khoán năm 2008 theo Hợp đồng 179 ngày 27/12/2007 với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội	-	10.200.000
Trích trước chi phí dịch vụ hiển thị thông tin giao dịch chứng khoán năm 2008 theo Hợp đồng số 177 ngày 27/12/2007 với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội	-	30.000.000
Cộng	**-**	**40.200.000**

13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả khác		25.296
Bảo hiểm xã hội	66.487.873	-
Bảo hiểm y tế	9.973.212	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	12.231.734	-
Cộng	**88.692.819**	**25.296**

14 Vốn chủ sở hữu

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguồn vốn kinh doanh	**38.000.000.000**	**12.318.000.000**	**-**	**50.318.000.000**
1. Vốn góp ban đầu	38.000.000.000	12.000.000.000	-	50.000.000.000
2. Vốn bổ sung	-	318.000.000	-	318.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần		318.000.000	-	318.000.000
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-
- Bổ sung từ nguồn khác	-	-	-	-
3. Chứng khoán ngân quỹ thuần	-	-	-	-
- Chứng khoán ngân quỹ				-
- Dự phòng CK ngân quỹ	-		-	-
II. Các quỹ và lợi nhuận	**(5.725.782.601)**	**13.509.621.249**	**5.492.111.750**	**2.291.726.898**
1. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
2. Quỹ dự phòng tài chính	-	318.000.000	-	318.000.000
- Dự trữ pháp định		-		-
- Dự trữ theo điều lệ công ty	-	-	-	-
- Dự trữ bắt thường	-	-	-	-
- Dự trữ khác	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng TCMVL	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	(5.725.782.601)	12.491.621.249	5.492.111.750	1.273.726.898
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	700.000.000	-	700.000.000
Tổng cộng	**32.274.217.399**	**25.827.621.249**	**5.492.111.750**	**52.609.726.898**

b) **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Các cổ đông	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ
Tổng Cty CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	245.000	2.450.000.000	4,90%
Lê Minh Tuấn	1.467.549	14.675.490.000	29,35%
Trịnh Quốc Vân	1.487.970	14.879.700.000	29,76%
Trần Quang Luyến	257.860	2.578.600.000	5,16%
Trần Đức Chiến	605.860	6.058.600.000	12,12%
Trần Thị Hồng Hà	599.640	5.996.400.000	11,99%
Lê Phương Huyền	135.360	1.353.600.000	2,71%
Các cổ đông phổ thông	*200.761*	*2.007.610.000*	4,02%
Cộng	**5.000.000**	**50.000.000.000**	**100%**

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phát hành	5.000.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.000.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	*5.000.000*	*3.800.000*
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	*5.000.000*	*3.800.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15 **Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	29.247.875.556	2.196.692.040
Doanh thu lãi hợp tác kinh doanh	3.257.092.912	
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	-	18.343.000
Doanh thu về vốn kinh doanh	10.048.553.492	1.866.448.540
Lãi tiền gửi tại các ngân hàng	*9.883.702.362*	*1.820.904.787*
Thu lãi cho vay	*79.699.022*	*40.000.000*
Thu khác	*85.152.108*	*5.543.753*
Thu cho thuê sử dụng TSCD, sử dụng thiết bị, sử dụng thông tin	120.000.000	120.000.000
Cộng	**42.673.521.960**	**4.201.483.580**

16 **Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Hoàn phí giao dịch	2.569.170.495	
Cộng	**2.569.170.495**	-

17 **Doanh thu thuần**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	26.678.705.061	2.196.692.040
Doanh thu lãi hợp tác kinh doanh	3.257.092.912	-
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	-	18.343.000
Doanh thu về vốn kinh doanh	10.048.553.492	1.866.448.540
Doanh thu cho thuê sử dụng TSCD, sử dụng thiết bị, sử dụng thông tin	120.000.000	120.000.000
Cộng	**40.104.351.465**	**4.201.483.580**

18 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	6.361.781.016	223.661.610
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	4.838.127.878	952.321.681
Chi phí lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	11.301.350	5.179.200
Chi phí do lỗ đầu tư chứng khoán		3.362.457.572
Chi phí dự phòng		56.400
Chi phí thuê sử dụng tài sản	249.519.009	
Chi phí về vốn kinh doanh		509.599.176
Chi phí khác	5.989.944.615	1.430.688.689
Cộng	**17.450.673.868**	**6.483.964.328**

19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí nhân viên	1.031.153.842	907.376.648
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	185.143.277	69.086.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	687.106.762	268.613.890
Chi phí thuế, phí, lệ phí		4.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.448.040	1.603.398.766
Chi phí khác bằng tiền	863.720.031	166.886.787
Cộng	**3.145.571.952**	**3.019.862.899**

21 Những thông tin khác

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm 2009	Năm 2008
Hội đồng quản trị		
Trịnh Quốc Văn - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc		
Hoàn ứng mua cổ phiếu Công ty CP Vật liệu Bưu điện		*(1.342.500.000)*
Các cá nhân có liên quan		
Nguyễn Song Bình		
Tạm ứng mua đồ dùng		*5.000.000*
Tạm ứng mua cổ phần		*200.000.000*
Hoàn ứng mua đồ dùng	*(28.250.000)*	*(4.000.000)*
Hoàn ứng mua cổ phiếu NH TMCP Quân Đội		*(200.000.000)*
Số dư trên TK ủy thác đầu tư chứng khoán (*)		*79.137.878*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm 2009	Năm 2008
Trịnh Quốc Văn		
Nguyễn Song Bình		107.637.878
Trong đó: - Tạm ứng		*28.250.000*
- Phải thu khác		*79.387.878*
Công nợ phải thu		**107.637.878**

Thuê hoạt động

Công ty thuê nhà theo Hợp đồng thuê nhà ngày 10 tháng 12 năm 2007 tại số 28 Tăng Bạt Hổ - Đường Phạm Đình Hổ Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong vòng 3 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thị trường.

22 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn và đã được phân loại lại cho phù hợp.

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Chiến	Vũ Thị Thúy	Trịnh Quốc Vân

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH & BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn thuế AAT
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến của công ty kiểm toán, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình báo cáo tài chính của công ty vào ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2009 kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực kế toán và hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác về kế toán có liên quan.

Các nhận xét đặc biệt khác: Không có.

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ:

Các kiến nghị, đề xuất định kỳ của kiểm toán nội bộ về báo cáo tài chính, tình hình tài chính của Công ty đã được Công ty xem xét và chỉnh sửa kịp thời đầy đủ. Trong năm, Ban Kiểm soát không phát hiện thấy dấu hiệu bất thường trong hoạt động của Công ty, mọi hoạt động đều tuân thủ các quy chế nội bộ và quy định pháp luật về hoạt động chứng khoán. Ban Kiểm soát đồng ý với y kiến đánh giá của kiểm soát viên về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

Các nhận xét đặc biệt: Không có.

VI. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

1. **Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp tại Công ty:** Không có
2. **Công ty nắm giữ trên 50% Vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức:** Không có
3. **Tình hình đầu tư vào các Công ty liên quan** : Không có

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức

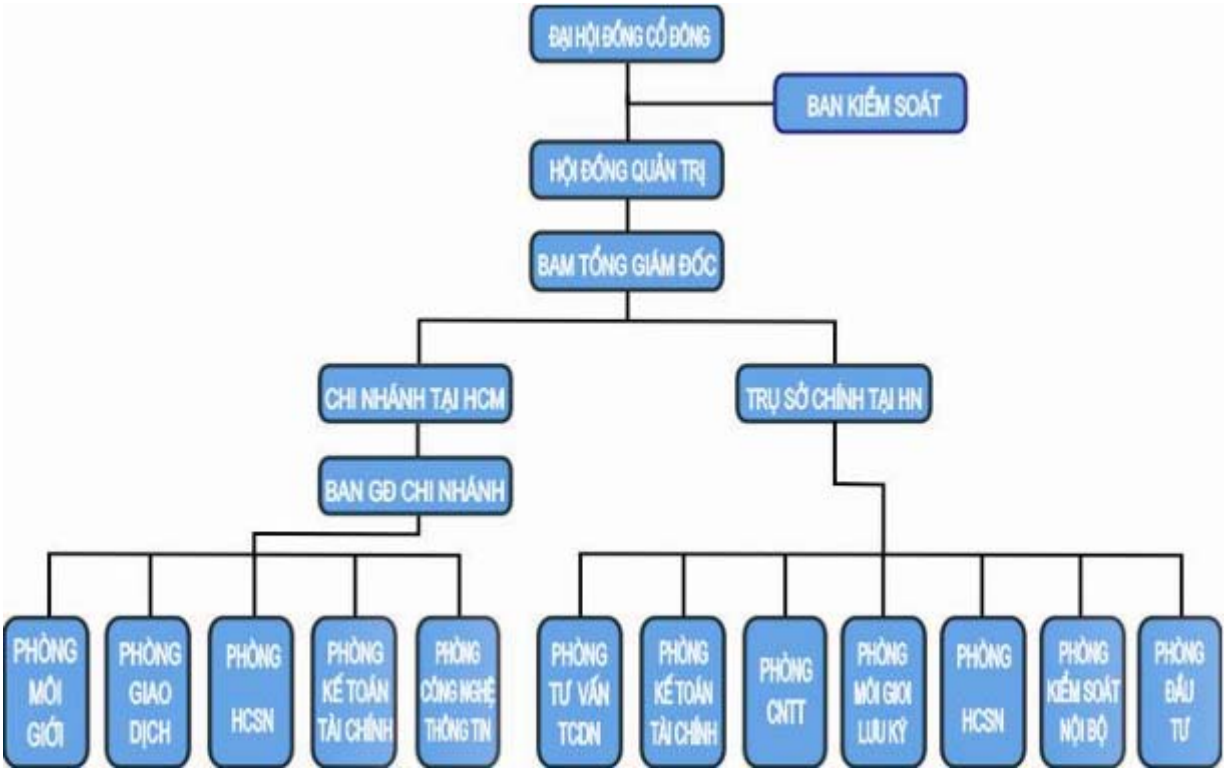

2. Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban điều hành

STT	Ban điều hành	Chức vụ
1	Ông Trịnh Quốc Vân	Tổng Giám Đốc
2	Ông Nguyễn Minh Sơn	Giám đốc Tài Chính
3	Ông Nguyễn Trung Hiếu	Giám đốc khối Môi giới – Lưu ký

Ông Trịnh Quốc Vân – Tổng Giám Đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 09/10/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 81 ngõ 49, Phố Đức Giang, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh Tế
- Quá trình công tác :

Từ 2001 - 2007 : Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam.
Chức vụ : Nhân viên môi giới, Phó Phòng môi giới chứng khoán
Từ 2007 – Nay : Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam
Chức vụ : Tổng Giám Đốc

- Chức vụ tại Tổ chức khác: Không

Ông Nguyễn Minh Sơn – Giám Đốc Tài Chính

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/09/1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Phòng 404 E8, Khu tập thể Phương Mai. Quận Đống Đa, TP Hà nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài Chính
- Quá trình công tác :

Từ 4/2008 – 12/2009 : Công ty Cổ Phần Chứng khoán An Bình
Chức vụ : Trưởng Phòng Tư vấn Tài Chính Doanh Nghiệp
Từ 1/2010 – Nay : Công ty Cổ Phần Chứng khoán Đại Nam
Chức vụ : Giám Đốc Tài Chính

- Chức vụ tại Tổ chức khác: Không

Ông Nguyễn Trung Hiếu – Giám Đốc khối Môi giới -Lưu ký

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23/01/1979
- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : TT Xí Nghiệp Vật liệu xây dựng, số 7 nghách 53/49, tổ 20, Phố Đức Giang, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế;
- Quá trình công tác :

Năm 2002 - 2003 : Công ty Dầu thực vật Cái Lân

Chức vụ : Nhân viên Kinh doanh

Năm 2004 – 3/2007 : Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Chức vụ : Quản lý Kinh doanh

Từ 4/2007 đến nay : Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam

Chức vụ : Giám đốc Môi giới

- Chức vụ tại tổ chức khác : Không

3. Thay đổi Tổng Giám Đốc điều hành trong năm: Từ tháng 5/2009 ông Trịnh Quốc Vân được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc thay cho ông Lê Minh Tuấn.

4. Số lượng các bộ, công nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2009, tổng số lao độngcủa công ty là 36 người, với cơ cấu lao động như sau:

Trình độ lao động	Số lượng tại 31/12/2009
Trên Đại Học	3
Đại Học	31
Cao Đẳng, Trung học	2
Lao đông phổ thông	0
Tổng số Lao động	**36**

(Số liệu tính danh sách NV chính thức bao gồm cả chi nhánh tính đến 31/12/2009)

Công ty đặc biệt chú trọng tới yếu tố con người, đặt người lao động vào vị trí trung tâm trong quá trình phát triển, xây dựng doanh nghiệp. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Bộ luật Lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như: tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát mỗi năm 1 lần vào mùa hè, trợ cấp khi thai sản, ốm đau, trợ cấp khó khăn ...

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và đã dành được sự quan tâm thiết thực của cán bộ công nhân viên trong Công ty, khuyến khích được các cán bộ trẻ nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn, tạo điều kiện phát huy sáng tạo ra các giá trị mới.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh Công ty.

Tiền lương bình quân của cán bộ công nhân viên trong Công ty là 6.000.000 đồng/người/tháng.

5. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

- Bãi nhiệm ông Đinh Quang Bách – Thành viên Hội đồng quản trị;
- Từ tháng 6/2009 bà Vũ Thị Thúy được bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kế toán –Tài chính thay cho ông Nguyễn Song Bình.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát

➢ **Thành phần của Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát tại thời điểm 31/12/2009**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
STT	**Họ và tên**	**Chức vụ**	**Ghi chú**
1	LÊ MINH TUẤN	Chủ tịch	Thành viên độc lập
2	TRỊNH QUỐC VÂN	Thành viên kiêm Tổng Giám Đốc	
3	TRẦN ĐỨC CHIẾN Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Navisoft	Thành viên	Thành viên độc lập
4	TỔNG CTCP TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM - VINARE	Thành viên	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT			
STT	**Họ và tên**	**Chức vụ**	**Ghi chú**
1	TRẦN QUANG LUYẾN	Trưởng Ban	
2	LÊ PHƯƠNG HUYỀN	Thành viên	

➢ **Hoạt động của Hội đồng quản trị 2009**

Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp định kỳ để thông báo, thảo luận về tình hình hoạt động của Công ty nhằm đưa ra những quyết định kịp thời nhất định hướng cho Ban điều hành. Các quyết định cụ thể sau:

- Định hướng hoạt động và kế hoạch kinh doanh năm 2009;
- Kế hoạch kinh doanh năm 2010;
- Thông qua phương án cơ cấu bộ máy tổ chức;
- Giải pháp cắt giảm chi hoạt động kinh doanh năm 2009;
- Xây dựng phương án phát hành tăng vốn điều lệ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Phương án đầu tư hệ thống thông tin.

➢ **Hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty**

Ban kiểm soát luôn thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Ngoài ra, Ban Kiểm soát còn thực hiện các nhiệm vụ đã được quy định trong Điều lệ của Công ty.

➢ **Thù lao của thành viên HĐQT & Ban kiểm soát**

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban Kiểm soát hưởng 1.000.000 đ/tháng, thành viên Ban kiểm soát 500.000 đ/tháng.

➢ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần & những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Thành viên HĐQT**

STT	Họ và tên	Tại ngày 01/01/2009		Tại ngày 31/12/2009	
		Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ %`	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ %`
1	Lê Minh Tuấn	988.000	26	1.262.599	25,25
2	Trịnh Quốc Vân	722.000	19	1.280.470	25,61
3	Trần Đức Chiến	380.000	10	578.000	11,56
4	Ông Đỗ Anh Đức (Đại diện Vinare)	190.000	5	245.000	4,9

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại thời điểm 31/12/2009

a. Thông tin chung về cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
1. Tổ chức	***1***	***245.000***	***4,90%***
Trong nước	1	245.000	4,90%
Nước ngoài	0	0	0.00%
2.Cá nhân	***30***	***4.755.000***	***95,10%***
Trong nước	30	4.755.000	95,10%
Nước ngoài	0	0	0
Tổng cộng	**31**	**5.000.000**	**100%**

b. Thông tin về sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT tại thời điểm 31/12/2009

STT	Cổ đông	Chức danh	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Ông Lê Minh Tuấn	Chủ tịch	1.262.599	25,25%
2	Ông Trịnh Quốc Vân	Thành viên kiêm TGĐ	1.280.470	25,61%
3	Ông Trần Đức Chiến	Thành viên	578.000	11,56%
4	Ông Đỗ Anh Đức (Đại diện Vinare)	Thành viên	245.000	4,90%

c. Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 275/UBCK-GP do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5/11/2009

STT	Cổ đông	CMND/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Tổng Công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	28/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 15/11/2004	245.000	4,90%
2	Lê Minh Tuấn	011511920	1.467,549	29,35%
3	Trịnh Quốc Vân	011879879	1.487,970	29,76%
4	Trần Quang Luyến	012949549	257.860	5,16%
5	Trần Đức Chiến	011843298	605.860	12,12%
6	Trần Thị Hồng Hà	012795725	599.640	11,99%
7	Lê Phương Huyền	012425490	135.360	2,71%

d. Thông tin về cổ đông lớn nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2009:

STT	Cổ đông	Số CMT/ĐKKD	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Ông Trịnh Quốc Vân	011879879	1.280.470	25,61%
2	Ông Lê Minh Tuấn	011511920	1.262.599	25,25%
3	Bà Trần Thị Hồng Hà	012795725	599.640	11,99%
4	Ông Trần Đức Chiến	011843298	578.000	11,56%
5	Ông Trần Quang Luyến	012949549	250.000	5%

e. Thông tin về cổ đông nước ngoài: Không có

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH QUỐC VÂN